

UBND TỈNH CÀ MAU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 82/BC-ĐHBL

Cà Mau, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tên Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

- Tên Tiếng Anh: BAC LIEU UNIVERSITY

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trụ sở chính: số 178 đường Võ Thị Sáu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

- Địa chỉ Cơ sở 2: số 112 đường Lê Duẩn, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

- Điện thoại: 02913.822.653 (Phòng Tổ chức và Hành chính)

- Email: mail@blu.edu.vn

- Website: blu.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu.

- Loại hình: Công lập.

- Cơ quan quản lý: Ủy ban nhân dân Tỉnh Cà Mau.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng:

- Trường ĐHBL là cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học lượng cao; cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao, có khả năng phát triển tự thân, triển khai ứng dụng và làm việc trong môi trường cạnh tranh.

- Trường ĐHBL giữ vai trò nòng cốt trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, trong đó lĩnh vực kinh tế, công nghệ thông tin, nuôi trồng thủy sản, văn hóa du lịch và giáo dục chất lượng cao là thế mạnh, đáp ứng yêu cầu về phát triển KT-XH của địa phương và cả nước cũng như hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn:

- Trường ĐHBL hướng đến trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng; đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng cho sự phát triển KT-XH của vùng Bán đảo Cà Mau và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Trường ĐHBL là một địa chỉ tin cậy về đào tạo, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo; là môi trường hấp dẫn đối với các nhà đầu tư; góp phần đắc lực vào

công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ gìn an ninh quốc phòng và phát triển hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Đại học Bạc Liêu (Trường ĐHBL) được thành lập theo Quyết định số 1558/2006/QĐ-TTg ngày 24/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy quản lý và nhân sự của trường Cao đẳng Sư phạm Bạc Liêu và trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bạc Liêu. Qua gần 20 năm hình thành và phát triển, mặc dù khởi đầu với nhiều khó khăn, Trường ĐHBL đã từng bước trưởng thành và ngày càng phát triển. Cụ thể:

- Về cơ sở vật chất, trường hiện có 2 cơ sở đào tạo nằm trên địa bàn phường 1 và phường 8 của Thành phố Bạc Liêu. Trong đó, trụ sở chính có diện tích 29.264,5 m² bao gồm Khu hiệu bộ, các đơn vị hành chính, 3 Khoa chuyên môn (Nông nghiệp và Thủy sản, Khoa học Xã hội, Kỹ thuật và Công nghệ), cùng với Thư viện, hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành và khu Ký túc xá. Cơ sở 2 của Trường có diện tích 10.915,6 m² bao gồm Khoa Sư phạm, Khoa Kinh tế Luật và hệ thống phòng học, giảng đường. Nhìn chung, CSVC của Trường không ngừng được đầu tư nâng cấp với hệ thống trang thiết bị mới và đồng bộ. Trong đó:

- Về phát triển nguồn nhân lực, trường chú trọng và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ, GV được tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn hay tham gia hội thảo chuyên ngành. Trường cũng chủ động tổ chức các lớp nâng cao trình độ ngoại ngữ cho GV, tạo tiền đề cho học tập, nghiên cứu và hội nhập. Hiện nay, Trường Đại học Bạc Liêu có tổng cộng 142 GV, trong đó có 01 phó giáo sư, 31 tiến sĩ, 110 thạc sĩ. Bên cạnh đó, nhiều GV đang được nhà trường cử đi học nghiên cứu sinh tại nhiều cơ sở giáo dục trong và ngoài nước, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của trường trong thời gian đến.

- Về đào tạo, trường hiện đang triển khai đào tạo chính quy 14 ngành trình độ ĐH, 1 ngành CĐ với trên 2.800 sinh viên. Hoạt động rà soát, cập nhật và xây dựng các CTĐT theo CDIO được tổ chức thực hiện thường xuyên. Công tác giám sát hoạt động giảng dạy của giảng viên là quản lý dự giờ và quản lý biên soạn bài giảng cũng được triển khai thực hiện định kỳ hằng năm. Kết quả là, chất lượng của các khóa học trong những năm vừa qua luôn nhận được sự hài lòng cao của người học, tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp cũng tăng dần qua từng năm, đạt mức trên 94% trong 3 năm gần nhất.

- Bên cạnh đó, loại hình, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH đều cho thấy sự tiến bộ tích cực. Các chỉ số về nghiên cứu khoa học như xuất bản, công bố khoa học trong nước, quốc tế... tăng dần theo từng năm học. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm ngày càng gắn kết chặt chẽ với hoạt động đào tạo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường nói chung. Các hội thảo khoa học, các hội nghị công bố kết quả nghiên cứu khoa học thường xuyên được phối hợp tổ chức tại Trường tạo nên hiệu ứng rất tích cực.

- Kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ) cũng cho thấy những thành tựu nhất định. Trong những năm học vừa qua, có rất nhiều hoạt động tình nguyện, thiện nguyện như “Mùa hè xanh”, “Tiếp sức đến trường”, “Hiến máu nhân đạo”, “Mái ấm công đoàn” và nhiều hoạt động hỗ trợ nhân dân khắc phục thiên tai, dịch bệnh đã được Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức thực hiện, tạo nên hiệu ứng tích cực. Các hoạt

động chuyển giao KHCN bước đầu được triển khai thông qua quan hệ hợp tác giữa Nhà trường, doanh nghiệp và địa phương, điển hình là mô hình “Nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh có sử dụng chế phẩm sinh học trong hồ nuôi thủy sản HDPE KN94”, “Mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực tại huyện Hồng Dân”, hay “Trồng dưa Kim Long, Huỳnh Long trong nhà lưới”, hứa hẹn sẽ nâng cao vị thế của trường Đại học Bạc Liêu trong cộng đồng.

Nhìn chung, Nhà trường luôn chủ động liên tục cải tiến, đổi mới, từng bước nâng cao chất lượng về mọi mặt. Ghi nhận những thành tích đã đạt được trong thời gian qua, trường đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng nhì. Hàng năm, Trường được UBND tỉnh, Bộ GD&ĐT tặng cờ, bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong năm học.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ.

Họ và tên: Phan Văn Đàn

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 178 đường Võ Thị Sáu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau

Số điện thoại: 0918023310

Email: pvdan@blu.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Trường Đại học Bạc Liêu (Trường ĐHBL) được thành lập theo Quyết định số 1558/2006/QĐ-TTg ngày 24/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy quản lý và nhân sự của trường Cao đẳng Sư phạm Bạc Liêu và trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bạc Liêu.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

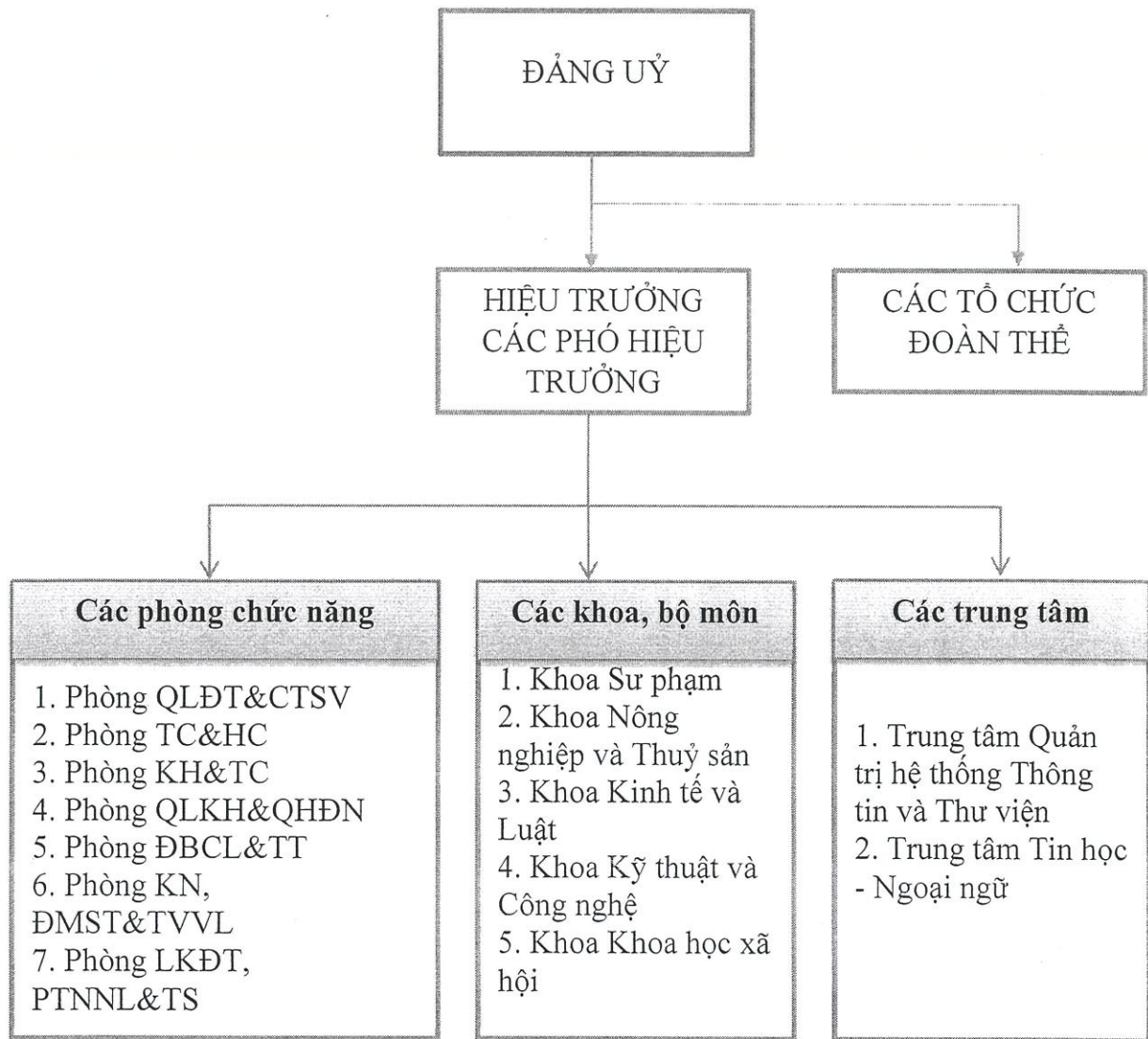
- Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch UBND Tỉnh Cà Mau về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu.

- Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch UBND Tỉnh Cà Mau về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Bạc Liêu được ban hành theo Nghị quyết số 07-NQ-HĐT ngày 18/10/2022 và Nghị quyết số 07-NQ-HĐT ngày 18/01/2023 của Hội đồng trường.

Sơ đồ tổ chức bộ máy Trường Đại học Bạc Liêu



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

STT	Số Quyết định	Nội dung văn bản
1	573/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định đổi tên Trung tâm Thông tin – Thư viện thành Trung tâm Quản trị hệ thống thông tin – Thư viện
2	574/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quy định chức năng, nhiệm vụ và vị trí việc làm của Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ
3	575/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định thành lập Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên
4	576/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định đổi tên Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế thành Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ đối ngoại.
5	577/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định thành lập Phòng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và tư vấn việc làm
6	578/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định thành lập Phòng Liên kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và Tuyển sinh

7	579/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định thành lập Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra
8	580/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quy định chức năng, nhiệm vụ và vị trí việc làm của Phòng Kế hoạch và Tài chính
9	581/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quy định chức năng, nhiệm vụ và vị trí việc làm của Phòng Tổ chức – Hành chính
10	582/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định Cơ cấu lại tổ chức bộ máy Khoa Sư phạm
11	583/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định Cơ cấu lại tổ chức bộ máy Khoa Khoa học xã hội
12	584/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định Cơ cấu lại tổ chức bộ máy Khoa Kỹ thuật và công nghệ
13	585/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định Đổi tên Khoa Nông nghiệp thành Khoa Nông nghiệp và Thủy sản
14	586/QĐ-ĐHBL ngày 29/8/2024	Quyết định đổi tên Khoa Kinh tế thành Khoa Kinh tế và Luật

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
1	Phan Văn Đàn	Hiệu trưởng	0918023310	pvdan@blu.edu.vn
2	Tiền Hải Lý	Phó Hiệu trưởng	0908281287	thly@blu.edu.vn
3	Ngô Đức Lưu	Bí thư Đảng uỷ	0913610007	ndluu@blu.edu.vn
4	Trần Nhật Bằng	Trưởng phòng TC&HC	0918827863	tnbang@blu.edu.vn
5	Tô Vĩnh Sơn	Trưởng phòng QLĐT&CTSV	0943726707	tvson@blu.edu.vn
6	Hồ Hữu Tường	Trưởng phòng ĐBCL&TT	0948644446	hhtuong@blu.edu.vn
7	Phạm Ánh Sương	Trưởng phòng KH&TC	0914211294	pasuong@blu.edu.vn
8	Nguyễn Thị Kiều	Trưởng phòng QLKH&QHĐN	0939752474	ntkieu@blu.edu.vn
9	Nguyễn Hữu Tâm	P.Trưởng phòng LKĐT, PTNNL&TS	0908481512	nhtam@blu.edu.vn
10	Ngô Đức Khánh	P. Trưởng phòng KN, ĐMST&TVVL	0946307484	ndkhanh@blu.edu.vn
11	Nguyễn Thị Kim Xuân	Trưởng Khoa NN&TS	0919806098	ntkxuan@blu.edu.vn
12	Trịnh Hữu Lực	Trưởng khoa KT&L	0949001100	thluc@blu.edu.vn
13	Nguyễn Phước Hoàng	Trưởng khoa Sư phạm	0916194400	nphoang@blu.edu.vn
14	Trương Thu Trang	Trưởng khoa KHXH	0939818269	tttrang@blu.edu.vn

15	Huỳnh Huy Tuấn	Phụ trách khoa KT&CN	0918670365	hhtuan@blu.edu.vn
----	----------------	-------------------------	------------	-------------------

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	Quyết định ban hành
1	Chiến lược phát triển	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến 2030	Số 06/NQ-HĐT 14/07/2021
2	Quy chế dân chủ	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Bạc Liêu	05/NQ-HĐT 12/07/2022
3	Quy chế tổ chức và hoạt động	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Bạc Liêu	07-NQ-HĐT 18/10/2022 07-NQ-HĐT 18/01/2023
4	Quy chế tài chính	Ban hành quy chế tài chính Trường Đại học Bạc Liêu	09-NQ-HĐT 20/10/2022
5	Danh mục vị trí việc làm	Đề án vị trí việc làm	852/ĐA-ĐHBL 19/12/2022
6	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Quy định tuyển dụng và quản lý sử dụng viên chức	25/2024/QĐ-UBND 18/07/2024
7	Quy chế tài chính	Về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 cho Trường Đại học Bạc Liêu	65/QĐ-UBND 09/04/2024
8	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	Chính sách chất lượng Trường Đại học Bạc Liêu	18/QĐ-ĐHBL 10/01/2022

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	2025 Năm báo cáo	2024 Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	17,17	12,85
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	100	99,38
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	22,54	16,77

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS

1	Giảng viên toàn thời gian						
1.1	Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	35	0	26	9	0	0
1.2	Lĩnh vực kinh doanh và quản lý	40	0	30	10	0	0
1.3	Lĩnh vực khoa học tự nhiên	4	0	3	1	0	0
1.4	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin	28	0	27	1	0	0
1.5	Lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản	23	0	12	10	1	0
1.6	Lĩnh vực nhân văn	27	0	25	2	0	0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
2.1	Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	35	0	26	9	0	0
2.2	Lĩnh vực kinh doanh và quản lý	40	0	30	10	0	0
2.3	Lĩnh vực khoa học tự nhiên	4	0	3	1	0	0
2.4	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin	28	0	27	1	0	0
2.5	Lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản	23	0	12	10	1	0
2.6	Lĩnh vực nhân văn	27	0	25	2	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	2025	2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	17	16
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	60	49
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	54,61	40,37

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	2025	2024
1	Diện tích đất/người học (m ²)	14,3	18,8
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	5,01	4,9
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	71,1	70,2
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	7787	7300
5	Số bản sách/người học	907	850
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	62,7	58,14
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	286,7	286,7

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	178, Võ Thị Sáu, Phường	29.264	9.079

		Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau		
2	Cơ sở 2	112, Lê Duẩn, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau	10.915	3.059
Tổng cộng			40.179	12.138

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
	Không có		
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục do Bộ Giáo dục ban hành

- Mức độ đạt kiểm định:

ĐBCL về chiến lược: 3,98

ĐBCL về hệ thống: 3,78

ĐBCL về chức năng: 3,91

ĐBCL về kết quả: 3,79

- Thời gian hiệu lực: Đến ngày 27 tháng 12 năm 2028.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	TT Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia TP HCM	30/3/2028

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	2025	2024
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	84,6	75,2
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	60,1	38,5
3	Tỉ lệ thôi học	7,48	0,92
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	1,03	0,31
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	79,1	71,6
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	73,9	69,8
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	95,1	95,2
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	80,9	83,5
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	84,6	77,5

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học	2800	903	405	84,6
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	381	114	37	97,0
2	Kinh doanh và quản lý	878	266	113	86,8
3	Khoa học tự nhiên	21	12	6	0
4	Máy tính và công nghệ	478	147	59	80,0
5	Nông lâm nghiệp và thủy sản	458	155	123	76,4
6	Nhân văn	584	209	67	81,1

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	2025	2024
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ		
2	Số công bố khoa học/giảng viên	1,28	1,0
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên		

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm 2025
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	1	
3	Đề tài cấp cơ sở	8	239.932.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	
	Tổng số	9	

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	2025	2024
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	170	187
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	11	7
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	0	3
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	2025	2024
----	-----------------	------	------

1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	1,84	7,66
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	24,9	24,71

2. Kết quả thu chi hoạt động

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ số thống kê	2025	2024
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	101.090	78.847
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	45.156	30.637
II	Thu giáo dục và đào tạo	55.934	48.209
1	Học phí, lệ phí từ người học	38.638	22.926
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	17.295	25.283
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	100.984	77.323
I	Chi lương, thu nhập	42.940	34.895
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên		
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	12.525	10.459
1	Chi cho đào tạo	10.344	8.255
2	Chi cho nghiên cứu	295	290
3	Chi cho phát triển đội ngũ	652	393
4	Chi phí chung và chi khác	1.233	1.521
III	Chi hỗ trợ người học	18.777	13.594
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	18.421	13.370
2	Chi hoạt động nghiên cứu	72	59
3	Chi hoạt động khác	284	165
IV	Chi khác	26.743	18.373
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	106	1.524

Trên đây là báo cáo công khai hoạt động thường niên năm 2026 của Trường Đại học Bạc Liêu.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Các đơn vị thuộc trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Đàn